TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17-02-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phích

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Ông Đặng Huy Du.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Mai Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Đức Hinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 336/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh NMC, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Số A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị DTTN, sinh năm 1979. Nơi ĐKHKTT: Số A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; hiện ở: D, Korea (Hàn Quốc); vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn anh NMC trình bày:

Anh và chị DTTN kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận C, thành phố Hải Phòng ngày 09/9/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau được một thời gian sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau trong cuộc sống. Đến năm 2017, chị DTTN xuất cảnh sang Hàn Quốc và ở lại làm ăn sinh sống từ đó đến nay. Do khoảng cách địa lý xa xôi, vợ chồng không ở gần nhau, cũng không quan tâm, chia sẻ với nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Từ thời gian chị

DTTN sang Hàn Quốc, anh chị đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa chị và anh NMC đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị DTTN.

Về con chung: Anh và chị DTTN có 06 con chung là F, sinh ngày 25/9/1998, G, sinh ngày 14/8/2002, H, sinh ngày 13/4/2010, I, sinh ngày 14/01/2013, J, sinh ngày 21/02/2014 và K, sinh ngày 29/9/2017. Hiện hai cháu F và G đều đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết. Còn các cháu H, I, J và K đang sống cùng anh NMC nên anh đề nghị anh được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu H, I, J và K. Về cấp dưỡng nuôi con anh và chị DTTN tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị DTTN tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong văn bản trình bày ý kiến của bị đơn gửi cho Tòa án, chị DTTN trình bày:

Chị thống nhất về quá trình kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh NMC. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn do vợ chồng ở xa nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau dẫn đến xảy ra mâu thuẫn không thể giải quyết nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh NMC. Về con chung: Chị và anh NMC có 06 con chung F, sinh ngày 25/9/1998, G, sinh ngày 14/8/2002, H, sinh ngày 13/4/2010, I, sinh ngày 14/01/2013, J, sinh ngày 21/02/2014 và K, sinh ngày 29/9/2017. Hiện hai cháu F và G đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết. Còn các cháu H, I, J và K đang sống cùng anh NMC, do chị DTTN đang ở nước ngoài không có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng các cháu nên chị đề nghị anh NMC nuôi dưỡng các cháu H, I, J và K . Về cấp dưỡng nuôi con chị và anh NMC tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị và anh NMC tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh NMC và bị đơn chị DTTN vắng mặt nhưng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh NMC và chị DTTN kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận C, thành phố Hải Phòng vào ngày 09/9/2002 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh NMC. Về con chung: Anh chị có 06 con chung F, sinh ngày 25/9/1998, G, sinh ngày 14/8/2002, H, sinh ngày 13/4/2010, I, sinh ngày 14/01/2013, J, sinh ngày 21/02/2014 và K, sinh ngày 29/9/2017. Hai cháu F và G đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, anh chị thống nhất để anh NMC nuôi dưỡng các cháu H, I, J và K. Về cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuân, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Anh NMC có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị DTTN. Nguyên đơn, anh NMC hiện đang sinh sống Hải Phòng, bị đơn chị DTTN hiện đang sinh sống Hàn Quốc, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh NMC và bị đơn chị DTTN đều vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh NMC và chị DTTN kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 9 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường E, quận C, thành phố Hải Phòng. Anh chị chung sống cùng nhau tại Việt Nam được một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về kinh tế. Đến năm 2017, chị DTTN xuất cảnh sang Hàn Quốc và ở lại làm ăn sinh sống từ đó đến nay. Tuy nhiên, vợ chồng xa cách dẫn đến xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không thể cảm thông và chia sẻ với nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2017, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh NMC và chị DTTN đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh NMC.

[4] Về con chung: Anh và chị DTTN có 06 con chung là F, sinh ngày 25/9/1998, G, sinh ngày 14/8/2002, H, sinh ngày 13/4/2010, I, sinh ngày 14/01/2013, J, sinh ngày 21/02/2014 và K, sinh ngày 29/9/2017. Hiện hai cháu F và G đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Còn các cháu H, I, J và K

đang sống cùng anh được anh NMC chăm sóc đầy đủ; anh NMC và chị DTTN đều thống nhất để anh NMC được tiếp tục nuôi dưỡng cháu. Về cấp dưỡng nuôi con anh NMC và chị DTTN thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, chị DTTN hiện đang ở nước ngoài, các cháu H, I, J và K hiện nay được bố chăm sóc phát triển bình thường về tinh thần và thể chất. Riêng cháu J, H và I (đã trên 7 tuổi) có đơn đề nghị được ở với bố đẻ. Vì vậy, cần tiếp tục giao các cháu H, I, J và K cho anh NMC nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Anh NMC và chị DTTN tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh NMC là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh NMC và chị DTTN được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh NMC.

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh NMC ly hôn chị DTTN.

2.Về con chung: Giao con chung là H, sinh ngày 13/4/2010, I, sinh ngày 14/01/2013, J, sinh ngày 21/02/2014 và K, sinh ngày 29/9/2017cho anh NMC tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh NMC và chị DTTN tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh NMC và chị DTTN tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh NMC phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số 0000873 ngày 22 tháng 12 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Yến đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh NMC được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Chị DTTN được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường E, quận C, thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Phích